

Số: /KH-KHCN

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Công văn số 706/UBND-KGVX ngày 24/02/2022 của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh thực hiện Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) xây dựng kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh thực hiện Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Xác định rõ các giải pháp để thực hiện quy hoạch. Chủ động, sáng tạo, linh hoạt, có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các sở, ngành, địa phương và các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về kế hoạch đầu tư công

Thực hiện hiệu quả dự án “Nâng cao năng lực Trung tâm Ứng dụng KH&CN tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023” với tổng kinh phí dự kiến là 31.466 triệu đồng để phân đầu tư Trung tâm Ứng dụng KH&CN tỉnh Bắc Giang thành một trung tâm mạnh của vùng Trung du miền núi phía Bắc.

2. Về thu hút đầu tư, huy động nguồn lực

Đẩy mạnh đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, tạo vốn, kêu gọi xã hội hóa các nguồn vốn cho hoạt động sự nghiệp KH&CN. Huy động tối đa nguồn lực của địa phương và thu hút vốn trong nước, đặc biệt là của các tập đoàn lớn trong nước; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư nước ngoài bằng nhiều hình thức như: Thu hút các doanh nghiệp, đối tác đem theo công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống quản lý hiện đại... tạo tác động lan toả tích cực tới sự phát triển của khu vực kinh tế trong nước.

Tăng cường cải cách hành chính, lấy doanh nghiệp làm đối tượng ưu tiên phục vụ, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp phát triển.

Nghiên cứu ban hành cơ chế khuyến khích, hướng dẫn doanh nghiệp lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm của doanh nghiệp.

Khuyến khích mở rộng các dự án KH&CN có sự tham gia đóng góp của đơn vị, người dân hưởng lợi ở mức trên 70%, ngân sách nhà nước hỗ trợ ở mức kích cầu dưới 30% kinh phí thực hiện dự án.

Phát triển nhân lực cho các ngành khoa học tự nhiên, xã hội nhân văn, y dược, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học...; tăng dần nhân lực chuyên gia đầu ngành khoa học có tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Tích cực, chủ động phối hợp với các chương trình đào tạo của quốc gia để phát triển nguồn nhân lực KH&CN của tỉnh.

3. Về cơ chế chính sách

Triển khai thực hiện đầy đủ các cơ chế, chính sách của nhà nước và của tỉnh đã ban hành về hoạt động KH&CN. Xây dựng chính sách thu hút, trọng dụng cán bộ KH&CN; chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp áp dụng Hệ thống, công cụ quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn và áp dụng truy xuất nguồn gốc; nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo tỉnh Bắc Giang; cơ chế đặc thù trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN; hỗ trợ thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại; nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, mua thiết kế, thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài...

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu đảm bảo cân đối ngân sách cho KH&CN hằng năm theo mục tiêu đã đề ra theo hướng tập trung, không dàn trải.

4. Hoạt động nghiên cứu ứng dụng

Ưu tiên tham mưu nghiên cứu các ngành, lĩnh vực như: Công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ y, dược, cụ thể như sau:

* *Công nghệ sinh học và y dược*: Tiếp tục tham mưu nghiên cứu đưa các giống mới tạo ra các sản phẩm trong các ngành nông, lâm, thủy sản; chế phẩm công nghệ sinh học phục vụ nuôi trồng các sản phẩm nông nghiệp chủ lực; phát triển công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm. Ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực chế biến, công nghệ enzyme và vi sinh vật để sản xuất sản phẩm có hoạt tính sinh học, nâng cao giá trị gia tăng ngành nông nghiệp phục vụ công nghiệp chế biến, công nghiệp thực phẩm. Phân đầu hình thành được mạng lưới các doanh nghiệp công nghệ sinh học vừa và nhỏ trong lĩnh vực này hoạt động có hiệu quả; xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực KH&CN có trình độ cao và chất lượng tốt, đủ năng lực sáng tạo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, giảng dạy, quản lý sản xuất kinh doanh về công nghệ sinh học.

Đồng thời nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong chẩn đoán và điều trị bệnh; làm chủ các kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh ở người. Ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong dự phòng các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh. Tiếp tục ứng dụng công nghệ sinh học trong chẩn đoán và theo dõi bệnh. Ưu tiên phát triển nhiều kỹ thuật chẩn đoán và

điều trị chuyên sâu mang tính mũi nhọn; các kỹ thuật điều trị tim mạch chất lượng cao; triển khai phẫu thuật ít xâm lấn, vi phẫu thuật và phát triển các kỹ thuật hiện đại. Nghiên cứu sản xuất một số loại thuốc phòng chống, điều trị bệnh nguy hiểm, phổ biến, các loại dược liệu y học cổ truyền, nguyên liệu làm thuốc kháng sinh, vitamin và thực phẩm chức năng.

* *Công nghệ thông tin*: Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đạt tiêu chuẩn, chất lượng và trình độ quốc tế. Xây dựng Hệ thống ISO điện tử trên quy mô toàn tỉnh; ứng dụng công nghệ CPS/GIS trong quản lý nhà nước và dịch vụ. Nghiên cứu làm chủ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sản xuất sản phẩm mang thương hiệu Bắc Giang đáp ứng nhu cầu của tỉnh, trong nước và xuất khẩu; xây dựng chính quyền điện tử thế hệ mới trên nền điện toán đám mây; đẩy mạnh triển khai các dịch vụ hành chính công trực tuyến và thương mại điện tử trong tỉnh. Ứng dụng, phát triển các sản phẩm mã nguồn mở đáp ứng nhu cầu sử dụng để giảm thiểu vi phạm bản quyền, đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ cũng như tiết kiệm chi phí mua sắm bản quyền.

* *Công nghệ vật liệu mới*: Tiếp nhận và phát triển công nghệ chế tạo hợp kim, vật liệu polyme và composit; công nghệ chế tạo vật liệu điện tử và quang điện tử; công nghệ chế tạo vật liệu nano, vật liệu y - sinh sử dụng trong công nghiệp, nông nghiệp, y dược, bảo vệ môi trường,... Nghiên cứu và phát triển công nghệ chế tạo vật liệu tiên tiến từ các nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương, đặc biệt là nguyên liệu sinh học, khoáng sản quý hiếm khác.

Tham mưu tăng cường cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ KH&CN và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm KH&CN cuối cùng theo kết quả đầu ra.

5. Hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Phối hợp với các ngành chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa trong sản xuất và lưu thông.

Hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, HTX các nội dung về tiêu chuẩn, chất lượng như: xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; hoạt động công bố phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đăng ký mã số mã vạch; hướng dẫn ghi nhãn sản phẩm, hàng hóa.

Hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đào tạo được ít nhất 10 các chuyên gia năng suất, chất lượng; hình thành ít nhất 01 câu lạc bộ cải tiến năng suất, chất lượng tại các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng và triển khai ít nhất 04 mô hình điểm về áp dụng hệ thống, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng; áp dụng công cụ 5S tại 32 các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Áp dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến tại ít nhất 04 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Hỗ

trợ ít nhất 01 tổ chức đánh giá sự phù hợp, tăng cường năng lực kiểm định, thử nghiệm, phân tích, các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho các đơn vị kiểm định, kiểm nghiệm trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, hỗ trợ ít nhất 20 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, quy chuẩn kỹ thuật; ít nhất 04 doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ sử dụng mã số mã vạch trên địa bàn tỉnh có hệ thống truy xuất nguồn gốc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế. Phân đầu 100% các tổ chức, cá nhân sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm OCOP của tỉnh có yêu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc. Bảo đảm 100% các sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu thuộc nhóm hàng hóa chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm OCOP của tỉnh và 100% các sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng bắt buộc được áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc. Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật cho hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh; xây dựng, vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh. Phân đầu 100% các sản phẩm, hàng hóa áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc được kết nối Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh và Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của Quốc gia.

Tăng cường đổi mới hoạt động đo lường, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Phát triển hạ tầng đo lường của tỉnh nhằm mở rộng lĩnh vực kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường. Đầu tư ít nhất 20 chuẩn đo lường, phương tiện đo các loại cho tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác của doanh nghiệp. Triển khai áp dụng hiệu quả Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13187-Phòng thí nghiệm đo lường-Tiêu chí đánh giá năng lực cho 03 tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Triển khai Chương trình đảm bảo đo lường theo hướng dẫn của Bộ KH&CN thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và hoạt động xây dựng phương pháp đo cho 30 doanh nghiệp bao gồm doanh nghiệp có vốn nhà nước và doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân. Hỗ trợ kiểm định lưu động cho 110 chợ trên địa bàn tỉnh, 100% phương tiện đo sử dụng tại các chợ trên địa bàn tỉnh được kiểm soát về đo lường. Đào tạo 65 lượt cán bộ quản lý hệ thống, quản lý kỹ thuật về chương trình đảm bảo đo lường và các tiêu chuẩn liên quan...

6. Hoạt động ứng dụng KH&CN, thông tin và thống kê KH&CN

Đa dạng hóa các loại hình phổ biến thông tin, nội dung tuyên truyền phổ biến kiến thức về KH&CN phù hợp, đẩy mạnh hoạt động dịch vụ thông tin KH&CN. Phối hợp với các cơ quan truyền thông đưa tri thức khoa học đến với người dân; cung cấp thông tin KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Quản lý, điều hành cơ sở dữ liệu đề tài, dự án KH&CN của tỉnh, phổ biến rộng rãi các kết quả nghiên cứu triển khai; cập nhật thông tin về tình hình kinh tế -

xã hội trên địa bàn tỉnh, các hoạt động KH&CN trong và ngoài nước, quan tâm đặc biệt đến nguồn thông tin nội sinh.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tham gia, tổ chức, vận động tham gia Chợ công nghệ và thiết bị toàn quốc và quốc tế. Tham gia ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest), các trung tâm, sàn giao dịch thông tin công nghệ trực tiếp và trên mạng Internet, triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ trong và ngoài nước. Xây dựng phòng trưng bày công nghệ tại địa điểm cố định; tiếp tục duy trì, hoàn thiện chợ ảo công nghệ và thiết bị của tỉnh. Xây dựng Cổng thông tin khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của tỉnh kết nối với Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Tổ chức và phát triển nguồn tin KH&CN trong nước và nước ngoài, phục vụ cho công tác xác định, tuyển chọn, thực hiện và đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các nhiệm vụ khác thuộc các chương trình, đề án của địa phương, phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nâng cấp các cơ sở dữ liệu về nguồn tin KH&CN, nguồn cung công nghệ, phần mềm để vận hành kết nối công nghệ, giới thiệu công nghệ trên Sàn giao dịch công nghệ, thiết bị. Kết nối Sàn giao dịch công nghệ thiết bị của tỉnh với các sàn giao dịch công nghệ và thiết bị các tỉnh, thành phố. Tổ chức các phiên kết nối cung cầu công nghệ, thiết bị trực tuyến và trực tiếp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Xây dựng quy chế quản lý, hoạt động, quản lý và dịch vụ thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia gian hàng trên Sàn giao dịch công nghệ thiết bị trực tuyến tỉnh Bắc Giang.

Tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm KH&CN, Chợ công nghệ và thiết bị; truyền thông, phổ biến thông tin, tri thức KH&CN; Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ phục vụ nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực thông tin, thư viện, tin học, thống kê KH&CN và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật. Phát huy vai trò là tổ chức trung gian trong việc phát triển thị trường KH&CN; hệ sinh thái khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thực hiện lựa chọn các tiên bộ kỹ thuật, tập trung các sản phẩm chủ lực, đặc thù của địa phương và tổ chức khảo nghiệm để hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương với các sản phẩm mới. Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; liên doanh liên kết, chuyển giao công nghệ; kiểm định, kiểm nghiệm, đánh giá, chứng nhận khoa học và công nghệ; sản xuất và kinh doanh sản phẩm khoa học công nghệ.

Tổ chức hội nghị hội thảo, triển lãm giới thiệu quảng bá công nghệ và kinh doanh các sản phẩm công nghệ; chuyển giao công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao để nâng cao trình độ sản xuất, chất lượng sản phẩm cho các tổ chức, cá nhân trong tỉnh và ngoài tỉnh.

Ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học phục vụ sản xuất các sản phẩm nông nghiệp sạch (rau sạch, quả sạch) phục vụ chế biến và xuất khẩu; công nghệ

xử lý nước sinh hoạt, xử lý ô nhiễm môi trường nông thôn, làng nghề, khu cụm công nghiệp, xử lý rác thải sinh hoạt, y tế.

Thực hiện nuôi cây mô tế bào thực vật (các giống cây trồng là chủ lực của địa phương; cây dược liệu; phát triển rừng kinh tế...).

Thực hiện liên kết với các tổ chức có nhu cầu nhằm giới thiệu và trao đổi thông tin KH&CN; chuyển giao công nghệ; triển lãm các kết quả nghiên cứu của các vùng và khu vực.

Duy trì, quản lý khai thác hiệu quả các chuẩn, trang thiết bị được giao quản lý sử dụng đảm phục vụ QLNN về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, thử nghiệm chất lượng sản theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tỉnh lân cận.

Thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường trong lĩnh vực phạm vi đã đăng ký, được chỉ định; cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện đo, chuẩn đo lường, thiết bị thí nghiệm, vật liệu, dụng cụ, thiết bị điện theo quy định của pháp luật.

Thực hiện hoạt động thử nghiệm được chỉ định thử nghiệm mẫu hàng hóa phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật...

Đầu tư chuẩn đo lường, trang thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn; mở rộng khả năng kiểm định đối với một số phương tiện đo hiện nay còn thiếu bao gồm: Lĩnh vực đo sử dụng quan trắc môi trường nước mặt, không khí...; lĩnh vực đo kiểm định kỹ thuật an toàn; lĩnh vực đo đảm bảo an toàn, sức khỏe người dân ...

Đầu tư máy móc, trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm hàng hóa; phòng thí nghiệm phân tích chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm: rau, quả, thịt,...; chất lượng đất, nước, không khí; vật liệu xây dựng; phân tích thí nghiệm điện, điện tử.

Mở rộng thử nghiệm các chỉ tiêu của 07 nhóm sản phẩm, hàng hoá: xăng, nhiên liệu điêzen, đồ chơi trẻ em, mũ bảo hiểm, các sản phẩm điện, điện tử, nhiên liệu sinh học gốc (Etanol trộn vào xăng, điêzen sinh học gốc B100), vàng trang sức mỹ nghệ; các nhóm sản phẩm về nông sản, thực phẩm, thủy sản ... Các nhóm chỉ tiêu chất lượng sản phẩm hàng hóa: phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật.

Thực hiện liên kết, hợp tác với các tổ chức giới thiệu sản phẩm cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp các sản phẩm KH&CN phục vụ lĩnh vực nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ; liên kết đào tạo, mở các lớp đào tạo tại chỗ, đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn cho cán bộ quản lý trên địa bàn tỉnh.

Đề xuất dự án đầu tư xây dựng mở rộng khu thực nghiệm: Nhà lưới nhân giống rau, hoa chất lượng cao, khoai tây giống sạch bệnh; nhà sơ chế, kho bảo quản rau, hoa chất lượng cao (trên diện tích 3.000m²).

7. Hoạt động quản lý khoa học công nghệ cơ sở và sở hữu trí tuệ

Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp trên địa bàn, trong đó đặc biệt quan tâm đến các đối tượng là sáng chế, nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận. Ưu tiên xây dựng và bảo hộ các nhãn hiệu cho các sản phẩm đặc sản của địa phương.

Nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở địa phương; thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thực thi quyền và cơ quan quản lý sở hữu trí tuệ của tỉnh. Tạo điều kiện phát triển các dịch vụ về sở hữu trí tuệ phục vụ các nhu cầu của xã hội.

Phấn đấu đến năm 2030 có 90% số sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp.

Duy trì và khai thác hiệu quả các chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu thông thường đã được bảo hộ

Triển khai việc đăng ký và tra cứu thông tin trực tuyến các sáng kiến cấp tỉnh. Quản lý, tổ chức và tra cứu thông tin các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trên nền tảng mạng (mã QR code.....).

Tổ chức định kỳ các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý khoa học và công nghệ cho cán bộ phòng chuyên môn giúp UBND huyện, thành phố quản lý nhà nước về KH&CN và cán bộ của phòng, đơn vị đầu mối tham mưu hoạt động KH&CN của các sở, ban, ngành, trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về KH&CN (định kỳ 02-03 năm tổ chức 1 lần).

Tổ chức họp Hội đồng Sáng kiến tỉnh để xét công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh đối với các sáng kiến đề nghị trên địa bàn tỉnh.

8. Hoạt động đánh giá, thẩm định, chuyển giao công nghệ, an toàn bức xạ hạt nhân, thị trường công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo

Tham mưu UBND tỉnh thực hiện các hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh, kết nối với hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo quốc gia.

Thực hiện tốt việc thẩm định công nghệ các dự án đầu tư UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 về việc ban hành quy định thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nhằm mục đích tư vấn, hướng dẫn chủ đầu tư lựa chọn công nghệ tiên tiến ít tác động xấu tới môi trường, loại trừ các công nghệ cũ, lạc hậu, công nghệ cấm chuyển giao, hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật.

Tổ chức thực hiện triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 4467/KH-UBND ngày 07/10/2020 về Phát triển doanh nghiệp KH&CN tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 nhằm nâng cao chất lượng và tăng trưởng kinh tế, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh trong Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và quá trình hội nhập quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp khoa học và công nghệ triển khai ứng dụng, nhân rộng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy thương mại các sản phẩm hàng hóa từ kết

quả nghiên cứu khoa học và công nghệ. Phân đầu đến năm 2025, hỗ trợ và phát triển thêm được từ 15 đến 20 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, bảo đảm hoạt động có hiệu quả. Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho 4 đến 5 doanh nghiệp/năm, để đến năm 2025 tỉnh Bắc Giang có ít nhất 25 đến 30 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Tổ chức thực hiện triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 564/KH-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và người dân thông qua truyền thông và giáo dục cộng đồng về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đào tạo, nâng cao kỹ năng về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh. Thu hút đầu tư của tổ chức, cá nhân tư nhân; lựa chọn, hỗ trợ phát triển một số tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật hỗ trợ khởi nghiệp, nhân rộng các mô hình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành công ở Việt Nam và trên thế giới; từ đó phát triển cả số lượng và chất lượng của doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Liên kết giữa các cộng đồng khởi nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Tổ chức thực hiện triển khai có hiệu quả Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phê duyệt Đề án Phát triển thị trường KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 với mục đích hình thành, phát triển thị trường KH&CN và cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức KH&CN; thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN trên địa bàn; xây dựng hạ tầng kỹ thuật KH&CN đồng bộ để đẩy mạnh ứng dụng các kết quả KH&CN vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; thúc đẩy thị trường KH&CN phát triển; phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN, góp phần hoàn thành mục tiêu về phát triển KH&CN, phát triển kinh tế - xã hội, nhằm đưa Bắc Giang phát triển nhanh, bền vững hơn theo hướng công nghiệp hiện đại.

Triệt để phát huy những chính sách do nhà nước ban hành về phát triển thị trường công nghệ. Đẩy mạnh phát triển thị trường công nghệ các lĩnh vực thuộc thế mạnh, chủ lực của. Phát triển các chủ thể tham gia thị trường công nghệ. Phát huy vai trò Chợ ảo về công nghệ và thiết bị. Thiết lập một trang website về thông tin công nghệ, một sàn giao dịch ảo giới thiệu công nghệ. Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước nhằm mở rộng quan hệ thị trường công nghệ, phối hợp giữa cấp trung ương và cấp địa phương trong phát triển thị trường công nghệ. Thành lập tổ chức KH&CN tư vấn độc lập hỗ trợ công cụ quản lý nhà nước trong các dịch vụ môi giới, tư vấn, giám định, đánh giá công nghệ.

9. Hoạt động thanh tra khoa học và công nghệ

Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra về hoạt động KH&CN (như: tiêu chuẩn, đo lường, nhãn hàng hóa, chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên địa bàn, hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu, mã số mã vạch theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) tại các doanh nghiệp nhằm khắc phục sự trùng lặp gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Các phòng, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các nội dung trong Kế hoạch này chủ động tham mưu triển khai các nhiệm vụ theo quy định. Đồng thời, thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Văn phòng Sở

Chủ trì phối hợp với Trung tâm Ứng dụng KH&CN công bố công khai quy hoạch tỉnh và Kế hoạch này trên cổng thông tin điện tử của Sở; tham mưu xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước hoạt động KH&CN, kế hoạch đầu tư công hằng năm và triển khai giải ngân vốn đầu tư công được giao.

Tham mưu, đề xuất để cấp có thẩm quyền giao kinh phí đảm bảo cân đối ngân sách cho KH&CN hằng năm theo mục tiêu đã đề ra theo hướng tập trung, không dàn trải.

2. Phòng Quản lý khoa học

Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu triển khai chính sách về nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; xây dựng chính sách liên quan đến hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH&CN.

Tham mưu các hình thức huy động vốn, lồng ghép các nguồn vốn cho hoạt động nghiên cứu-ứng dụng KH&CN. Tham mưu tăng cường cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ KH&CN và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm KH&CN cuối cùng theo kết quả đầu ra. Triển khai các đề tài, dự án KH&CN ưu tiên lĩnh vực công nghệ sinh học, y dược, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới.

3. Phòng Quản lý khoa học công nghệ cơ sở và Sở hữu trí tuệ

Tham mưu triển khai nghiên cứu các đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở ưu tiên lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ thông tin,... Hoàn thiện các chính sách thuộc lĩnh vực sáng kiến, sở hữu trí tuệ.

Tham mưu, hướng dẫn các doanh nghiệp đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận. Duy trì và khai thác hiệu quả các chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu thông thường đã được bảo hộ. Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý KH&CN cho cán bộ chuyên môn; triển khai hiệu quả kế hoạch thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ.

Tham mưu tổ chức họp Hội đồng Sáng kiến tỉnh để xét công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh đối với các sáng kiến đề nghị trên địa bàn tỉnh.

4. Phòng Quản lý công nghệ và thị trường công nghệ

Thực hiện tốt việc thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh nhằm mục đích tư vấn, hướng dẫn chủ đầu tư lựa chọn công nghệ tiên tiến ít tác động xấu tới môi trường, loại trừ các công nghệ cũ, lạc hậu, công nghệ cấm chuyển giao, hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật.

Tổ chức thực hiện triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 4467/KH-UBND ngày 07/10/2020 về Phát triển doanh nghiệp KH&CN tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 564/KH-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phê duyệt Đề án Phát triển thị trường KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2030. Tham mưu xây dựng công thông tin khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của tỉnh kết nối với Công thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

5. Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ

Tham mưu đẩy mạnh hoạt động thông tin KH&CN, tham gia, vận động các tổ chức tham gia Chợ công nghệ và thiết bị toàn quốc và quốc tế.

Phối hợp với Phòng Quản lý công nghệ và thị trường công nghệ tham mưu xây dựng công thông tin khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của tỉnh kết nối với Công thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Thực hiện tuyên truyền về các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án KH&CN; tiến bộ KH&CN mới tới các tổ chức và người dân trên địa bàn tỉnh.

Duy trì các hoạt động dịch vụ có hiệu quả như: Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường trong lĩnh vực phạm vi đã đăng ký; dịch vụ thông tin KH&CN;... Đồng thời khai thác có hiệu quả Sàn giao dịch công nghệ thiết bị trực tuyến của tỉnh.

Tham mưu đề xuất dự án đầu tư xây dựng mở rộng khu thực nghiệm: Nhà lưới nhân giống rau, hoa chất lượng cao, khoai tây giống sạch bệnh; nhà sơ chế, kho bảo quản rau, hoa chất lượng cao (trên diện tích 3.000m²).

6. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Tham mưu tốt công tác thanh tra, kiểm tra về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, HTX các nội dung về tiêu chuẩn, chất lượng.

Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 409/KH-UBND ngày 30/8/2021 triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 408/KH-UBND ngày 29/8/2021 của UBND tỉnh nâng cao năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 16/8/2020 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025. Xây dựng mô hình chuyển đổi số cấp xã tại UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn.

Tham mưu ban hành các cơ chế chính sách về truy xuất nguồn gốc, hoạt động tiêu chuẩn đo lường trên địa bàn tỉnh.

7. Thanh tra Sở

Tham mưu tốt triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra về hoạt động KH&CN tại các tổ chức đảm bảo không trùng lặp để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này các phòng, đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Văn phòng Sở trước ngày 15 tháng 10 hằng năm để tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Giao Văn phòng Sở trước ngày 20 tháng 10 hằng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Trên đây là kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Sở KH&CN gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Bình

